

Số: 38/2026/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Mùi N**

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.**

Địa chỉ nơi ở hiện nay: **Xóm K, xã T, tỉnh Cao Bằng.**

- Bị đơn: Anh **Nông Văn D**

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D** nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D** cùng xác nhận Anh, Chị có 01 (một) con chung tên cháu là **Nông Minh T**, sinh ngày 02-10-2015. Chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D** cùng thống nhất thoả thuận sau khi ly hôn giao con chung **Nông Minh T** cho anh **Nông Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi

con đủ 18 tuổi. Anh **Nông Văn D** tự nguyện không yêu cầu chị **Bàn M** Nhảy có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị **Bàn Mùi N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con **Nông Minh T** mà không ai được cản trở.

Anh **Nông Văn D** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị **Bàn M** Nhảy trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Nông Minh T**.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D** cùng xác nhận **A**, Chị không có tài sản chung, nợ chung cùng tự nguyện thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí vụ án:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chị **Bàn Mùi N** và anh **Nông Văn D** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Tam Kim, tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Hồng Vân